

THÔNG BÁO
THU TIỀN THÁNG 01 NĂM 2024

NỘI DUNG	LỚP 1			LỚP 2			LỚP 3			LỚP 4			LỚP 5		
	Bản trú		1/5, 1/6	Bản trú		2/5, 2/6	Bản trú		3/5, 3/6	Bản trú		4/5, 4/6	Bản trú		5/5, 5/6
	1/1, 1/2	1/3, 1/4		2/1, 2/2	2/3, 2/4		3/1, 3/2	3/3, 3/4		4/1, 4/2	4/3, 4/4		5/1, 5/2	5/3, 5/4	
* Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa	919.000	519.000	419.000	919.000	519.000	419.000	974.000	524.000	424.000	874.000	524.000	424.000	949.000	499.000	399.000
- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: 100.000đ/tháng													100.000	100.000	100.000
- Tiền tổ chức dạy Tin học: 50.000đ/tháng (8 tiết/tháng) Chơi P. 25.000đ/tháng (4 tiết/tháng)	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	50.000	50.000	50.000
- Tiền tiếng Anh tăng cường: 100.000đ/tháng (8 tiết/tháng) 100.000đ/tháng (16 tiết/tháng)	100.000	50.000	50.000	100.000	50.000	50.000							100.000	100.000	100.000
- Tiền tiếng Anh Bổ trợ (8 tiết/tháng): 250.000đ/tháng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000			
- Tiền tiếng Anh chương trình Toán-Khoa (8 tiết/tháng)	450.000			450.000			450.000			450.000			450.000		
- Tiền Giáo dục kỹ năng sống 69.000đ/tháng (04 tiết/tháng)	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
- Tiền tổ chức Giáo dục Stem 80.000đ/tháng (04 tiết/tháng)							80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000

NỘI DUNG	LỚP 1			LỚP 2			LỚP 3			LỚP 4			LỚP 5		
	Bán trú		1/5, 1/6	Bán trú		2/5, 2/6	Bán trú		3/5, 3/6	Bán trú		4/5, 4/6	Bán trú		5/5, 5/6
	1/1, 1/2	1/3, 1/4		2/1, 2/2	2/3, 2/4		3/1, 3/2	3/3, 3/4		4/1, 4/2	4/3, 4/4		5/1, 5/2	5/3, 5/4	
8/ Tiền tiếng Anh bản ngữ + Thiết bị học tiếng Anh 100.000đ/tháng (4 tiết/tháng)		100.000			100.000		100.000	100.000			100.000		100.000	100.000	
* Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú	200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000	
9/ Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và Vệ sinh bán trú: 200.000đ/tháng	200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000		200.000	200.000	
* Các khoản thu hỗ trợ cá nhân học sinh	794.000	794.000	60.000	794.000	794.000	60.000	794.000	794.000	60.000	794.000	794.000	60.000	794.000	794.000	60.000
10/ Tiền suất ăn trưa bán trú: 34.000đ/ngày	714.000	714.000		714.000	714.000		714.000	714.000		714.000	714.000		714.000	714.000	
11/ Tiền nước nóng học sinh bán trú (hs/tháng)	20.000	20.000		20.000	20.000		20.000	20.000		20.000	20.000		20.000	20.000	
12/ Tiền số liên lạc điện từ (HK1)	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
CỘNG	1.913.000	1.513.000	479.000	1.913.000	1.513.000	479.000	1.968.000	1.518.000	484.000	1.868.000	1.518.000	484.000	1.943.000	1.493.000	459.000

Kế toán

Trần Thanh Kiều

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Hiệu trưởng

Lê Thị Kim Liễu